

Số 2933/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 02 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp tuyến đường  
từ ngã năm Cù Nhà La đến khu đội 5 giao với đại lộ Lê Lợi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 2134/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cù Nhà La đến khu đội 5 giao Đại lộ Lê Lợi;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1036 /TTr-TNMT ngày 25/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Lưu Thị Thơm - Cư trú tại tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 25.614.650 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi năm triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, sáu trăm năm mươi đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:



- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã Sùng Phài.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chỉ trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Lưu Thị Thơm có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**

1944



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**  
**Dự án: Nâng cấp tuyến đường từ ngã năm Cư Nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi**  
 (Kèm theo Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 02/11 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

| TT       | Tên các hạng mục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | ĐVT            | Số lượng | Đơn giá  | Thành tiền (Đồng) | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|----------|-------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>3</b>       | <b>4</b> | <b>5</b> | <b>6=4*5</b>      |         |
| <b>1</b> | <b>Hộ gia đình: Lưu Thị Thơm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |          |          |                   |         |
|          | <b>Địa chỉ thường trú: Tổ 5 phường Tân Phong</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |          |          |                   |         |
|          | <b>Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+d)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |          |          | <b>25.614.650</b> |         |
| <b>a</b> | <b>Về đất</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |          |          | <b>4.991.300</b>  |         |
| 1        | Diện tích thu hồi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | m <sup>2</sup> | 134,9    |          |                   |         |
| 2        | Loại đất:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |          |          |                   |         |
| 2,1      | Đất trồng cây lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | m <sup>2</sup> | 134,9    | 37.000   | 4.991.300         |         |
|          | Vị trí: 1, khu vực 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                |          |          |                   |         |
|          | Nguồn gốc: Được xí nghiệp chè Tam Đường hợp đồng giao khoán đất trồng cây lâu năm 1995, không có giấy tờ<br>- Đối chiếu bản đồ địa chính (nghiệm thu 2013) một phần diện tích thu hồi diện tích 40,7 m <sup>2</sup> thuộc thửa đất 152, TBD 86 và một phần diện tích thu hồi 156, TBD 86 diện tích 9,8 m <sup>2</sup> thuộc thửa đất 42, TBD 86 (bản đồ nghiệm thu năm 2013) là đất giao thông do UBND xã quản lý. Nguyên nhân trong quá trình đo đạc bản đồ là có sự sai sót.<br>- Đối chiếu bản đồ địa chính (nghiệm thu 2013) một phần diện tích 70m <sup>2</sup> thuộc thửa đất 89, TBD 86 quy chủ cho bà Lưu Thị Thơm, loại đất: đất trồng cây lâu năm chưa quy chủ cho ai, thực tế là đất của bà Lưu Thị Thơm đang sử dụng.<br>- Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm. Gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp. Phần diện tích thu hồi gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp. |                |          |          |                   |         |
| <b>b</b> | <b>Tài sản, vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất thu hồi do bà Lưu Thị Thơm tạo lập năm 2018. Trước khi có kế hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, sử dụng đúng mục đích. Sử dụng ổn định không tranh chấp. Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |          |          | <b>879.450</b>    |         |
|          | Bóc tách bê chừa phân xây gạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |          |          |                   |         |
| 1        | Trát vữa xi măng không đánh màu (4*1)*3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | m <sup>2</sup> | 12,0     | 27.500   | 330.000           |         |
| 2        | Hố đào đất (1*1,5*1)*3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | m <sup>3</sup> | 4,5      | 82.500   | 371.250           |         |
| 3        | Láng VXM dây 3cm (1,5*1)*3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | m <sup>2</sup> | 4,5      | 39.600   | 178.200           |         |
| <b>c</b> | <b>Về cây cối hoa màu</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |          |          | <b>4.770.000</b>  |         |
| 1        | Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | cây            | 10,0     | 132.000  | 1.320.000         |         |
| 2        | Sản lượng Chè kim tuyến 115 m <sup>2</sup> * 25 tấn/ha/năm * 2 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | kg             | 575,00   | 6.000    | 3.450.000         |         |
| <b>d</b> | <b>Về chính sách hỗ trợ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |          |          | <b>14.973.900</b> |         |
| 1        | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | m <sup>2</sup> | 134,9    | 111.000  | 14.973.900        |         |

